

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8158/TTr-SNN&MT ngày 05 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quy định giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

1. Mức giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, mức giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Không thu giá dịch vụ đối với tàu thuyền vào neo, đậu để tránh trú bão tại cảng cá.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Ban quản lý Cảng cá niêm yết, thông báo công khai tại địa điểm thu về khoản mục thu, mức thu, phương thức thu và đơn vị được giao nhiệm vụ thu; tổ chức thu giá dịch vụ của các tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định tại Quyết định này; quản lý và sử dụng nguồn thu đúng quy định pháp luật, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; thực hiện các nghĩa vụ về thuế, nghĩa vụ khác (nếu có) và thực hiện các nhiệm vụ chỉ theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Thuế tỉnh Đồng Tháp, các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khẩn khẩn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để nghiên cứu, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (cũ) về việc phê duyệt phương án giá các dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Thuế tỉnh Đồng Tháp; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP, các PVP,
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, PKT (Tú.NN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Thành Diệu

PHỤ LỤC

Quy định giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
*(Kèm theo Quyết định số 3104 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Phương tiện hoặc hàng hóa	Mức thu lượt		Mức thu tháng	
	Đơn vị tính	Giá tối đa	Đơn vị tính	Giá tối đa
I. Đối với tàu thuyền đánh cá cập cảng				
1. Tàu thuyền có chiều dài dưới 12m	đồng/lượt	18.000	đồng/tháng	100.000
2. Tàu thuyền có chiều dài từ 12m đến dưới 15m	đồng/lượt	45.000	đồng/tháng	120.000
3. Tàu thuyền có chiều dài từ 15m đến dưới 24m	đồng/lượt	90.000		Không áp dụng
4. Tàu thuyền có chiều dài từ 24m trở lên	đồng/lượt	120.000		Không áp dụng
II. Đối với tàu thuyền vận tải cập cảng				
1. Tàu thuyền có trọng tải dưới 5 tấn	đồng/lượt	12.000	đồng/tháng	120.000
2. Tàu thuyền có trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lượt	36.000	đồng/tháng	140.000
3. Tàu thuyền có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn	đồng/lượt	90.000		Không áp dụng
4. Tàu thuyền có trọng tải trên 100 tấn	đồng/lượt	145.000		Không áp dụng
III. Đối với phương tiện vận tải ra vào cảng				
1. Xe máy, ba gác chở hàng	đồng/lượt	3.000		Không áp dụng
2. Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	đồng/lượt	10.000	đồng/tháng	240.000
3. Phương tiện có trọng tải từ 01 tấn đến 2,5 tấn	đồng/lượt	18.000	đồng/tháng	450.000
4. Phương tiện có trọng tải trên 2,5 tấn đến 05 tấn	đồng/lượt	30.000	đồng/tháng	750.000
5. Phương tiện có trọng tải trên 05 tấn đến 10 tấn	đồng/lượt	36.000	đồng/tháng	900.000

Phương tiện hoặc hàng hóa	Mức thu lượt		Mức thu tháng	
	Đơn vị tính	Giá tối đa	Đơn vị tính	Giá tối đa
6. Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	đồng/lượt	48.000	đồng/tháng	1.200.000
IV. Đối với hàng hóa qua cảng				
1. Thủy sản:	đồng/tấn	18.000		Không áp dụng
Trong đó :				
Cá phân, mắm, ruốc	đồng/tấn	7.500		Không áp dụng
2. Nước đá	đồng/tấn	4.000		Không áp dụng
3. Xăng, dầu, nhớt	đồng/1.000 lít	6.000		Không áp dụng
4. Hàng hóa khác	đồng/tấn	7.500		Không áp dụng

* Ghi chú: Giá dịch vụ đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định.